

Số: /TB-UBND

P. Lê Thanh Nghị, ngày tháng 7 năm 2026

THÔNG BÁO
Về số lượng, tên gọi các tổ dân phố trên địa bàn phường Lê Thanh Nghị

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Chỉ thị số 21/CT-TTg ngày 20 tháng 5 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ về sắp xếp thôn, tổ dân phố và bố trí, sử dụng, chế độ chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách;

Căn cứ Nghị định số 185/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố và chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố;

Căn cứ Kế hoạch số 192/KH-UBND ngày 27 tháng 5 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố về sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố trên địa bàn thành phố Hải Phòng năm 2026;

Căn cứ Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 24 tháng 6 năm 2026 của HĐND phường Lê Thanh Nghị về việc sắp xếp, tổ chức lại các tổ dân phố trên địa bàn phường Lê Thanh Nghị;

Để thống nhất trong công tác quản lý nhà nước, sử dụng tên gọi các tổ dân phố sau khi thực hiện sắp xếp, tổ chức lại theo quy định, Ủy ban nhân dân phường Lê Thanh Nghị thông báo số lượng và tên gọi các tổ dân phố trên địa bàn phường kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026, như sau:

- Số lượng tổ dân phố trên địa bàn phường: 21 tổ dân phố.
- Tên gọi các tổ dân phố được thực hiện theo Danh sách kèm theo Thông báo này.

Ủy ban nhân dân phường Lê Thanh Nghị thông báo để các cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp và Nhân dân trên địa bàn phường biết, thực hiện./.

Nơi nhận:

- Sở Nội vụ;
- UBND các xã, phường, đặc khu;
- TT Đảng ủy, HĐND phường;
- Lãnh đạo UBND phường;
- UBMTTQ VN và các tổ chức CTXH phường;
- Các phòng, ban, đơn vị thuộc phường;
- Cổng Thông tin điện tử phường;
- Các tổ dân phố.
- Lưu: VT, VHXH.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Dương Thị Hằng Nga

Phụ lục
Danh sách các tổ dân phố phường Lê Thanh Nghị sau sắp xếp
(Kèm theo Thông báo số /TB-UBND ngày 01/7/2026 của UBND phường Lê Thanh Nghị)

STT	Tên tổ dân phố mới	Thành lập từ tổ dân phố cũ	Diện tích (ha)	Hộ gia đình (hộ)	Dân số (người)	Nhà văn hóa sử dụng
1	Kim Chi	Tổ dân phố số 20 và một phần Tổ dân phố số 30	48,57	1.124	4.123	Nhà văn hóa Tổ dân phố 20 (cũ)
2	Trường An	Tổ dân phố số 31 và một phần Tổ dân phố số 30	53,9	851	3.272	Nhà văn hóa Tổ dân phố 31 (cũ)
3	Nam Thanh Cương	Tổ dân phố số 23 và một phần Tổ dân phố số 21, số 22	23,4	1.060	4.111	Nhà văn hóa Tổ dân phố 23 (cũ)
4	Bắc Thanh Cương	Tổ dân phố số 29 và một phần Tổ dân phố số 21, số 22, số 25, số 27	53,91	1.504	5.565	Nhà văn hóa Tổ dân phố 22 (cũ)
5	Chợ Mát	Tổ dân phố số 26, số 28 và một phần Tổ dân phố số 11, số 27	51,91	1.124	4.757	Nhà văn hóa Tổ dân phố 26 (cũ)
6	Đức Minh	Tổ dân phố số 24; một phần Tổ dân phố số 25, số 27 và một phần Tổ dân phố số 32, số 35	53,20	1.104	4.203	Nhà văn hóa Tổ dân phố 24 (cũ)
7	Đĩnh Long	Một phần Tổ dân phố số 37, số 38, số 40	78,40	962	2.370	Nhà văn hóa Tổ dân phố 38 (cũ)
8	Đàm Lộc	Tổ dân phố số 39 và một phần Tổ dân phố số 37, số 38, số 40	72,72	1.652	6.120	Nhà văn hóa Tổ dân phố 39 (cũ)

9	Kim Sơn	Tổ dân phố số 42 và một phần Tổ dân phố số 36, 41	26,30	1.137	3.230	Nhà văn hóa Tổ dân phố 42 (cũ)
10	Bình Lâu	Một phần Tổ dân phố số 36, số 41 và một phần Tổ dân phố số 5	33,47	781	2.574	Nhà văn hóa Tổ dân phố 36 (cũ)
11	Tân Kim	Tổ dân phố số 33, 34; một phần Tổ dân phố số 35 và một phần Tổ dân phố số 32	38,55	1.686	5.283	Nhà văn hóa Tổ dân phố 35 (cũ)
12	Đông Ngõ Quyền	Tổ dân phố số 10 và một phần Tổ dân phố số 11, số 32	20,29	1.295	4.077	Nhà văn hóa Tổ dân phố 10 (cũ)
13	Máy Sứ	Tổ dân phố số 18, số 19	30,78	912	3.443	Nhà văn hóa Tổ dân phố 18 (cũ)
14	Bình Minh	Tổ dân phố số 9 và một phần Tổ dân phố số 12	11,68	709	2.818	Nhà văn hóa Tổ dân phố 9 (cũ)
15	Quyết Thắng	Tổ dân phố số 15, số 16, số 17	18,46	1.150	4.410	Nhà văn hóa Tổ dân phố 17 (cũ)
16	Bảo Sài	Tổ dân phố số 13, số 14 và một phần Tổ dân phố số 5, số 12, số 44	22,15	1.253	4.440	Nhà văn hóa Tổ dân phố 14 (cũ)
17	Chợ Lớn	Tổ dân phố số 43 và một phần Tổ dân phố số 44, số 45	9,95	900	3.008	Nhà văn hóa Tổ dân phố 43 (cũ)
18	Đồng Xuân	Tổ dân phố số 46, 47 và một phần Tổ dân phố số 45	42,77	1.013	3.533	Nhà văn hóa Tổ dân phố 46 (cũ)

19	Thống Nhất	Tổ dân phố số 6, số 7, số 8 và một phần Tổ dân phố số 5	45,36	1.231	4.393	Nhà văn hóa Tổ dân phố 7 (cũ)
20	Hà Hải	Tổ dân phố số 3, số 4 và một phần Tổ dân phố số 1	44,68	861	3.061	Nhà văn hóa Tổ dân phố 4 (cũ)
21	Trái Bàu	Tổ dân phố số 2 và một phần Tổ dân phố số 1	24,16	772	2.483	Nhà văn hóa Tổ dân phố 2 (cũ)

Tổng cộng phường Lê Thanh Nghị có: 21 Tổ dân phố (*giảm 26 Tổ dân phố so với trước sắp xếp*).